TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng, ông Cà Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST - HS ngày 06/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST - HS ngày 18/8/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị T** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh năm 1975 tại huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên); Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là tổ dân phố Q, xã T, tỉnh Điện Biên); Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn P (đã chết) và bà Lò Thị P1 (đã chết); C là Quàng Văn H (đã chết) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ từ ngày 04/6/2025 đến ngày 13/6/2025, tạm giam từ ngày 13/6/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình T1 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 04/6/2025, bị cáo đi bộ từ nhà tại tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là tổ dân phố Q, xã T, tỉnh Điện

Biên) ra ngã ba tổ dân phố Q để tìm mua ma túy, tại đây bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Mông tự xưng tên là M bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ qua trao đổi bị cáo đã mua được của người này 02 gói ma túy (gồm 01 gói bằng nilon màu xanh bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và dạng bột; 01 gói bằng nilon màu hồng bên trong có 02 viên nén màu hồng, một mặt của mỗi viên có chữ WY) với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý bị cáo cất giấu trong túi áo khoác bên trái đang mặc và đi về nhà.

Đến 07 giờ 10 phút cùng ngày khi bị cáo về đến đến đoạn đường thuộc tổ dân phố Q thì bị tổ công tác của Công an thị trấn T, huyện T (nay là Công an xã T, tỉnh Điện Biên) phát hiện và thu giữ 02 gói ma tuý. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo khai nhận mục đích bị cáo mua ma túy để sử dụng cho bản thân, nhưng chưa sử dụng đã bị Công an bắt quả tang và thu giữ.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 04/6/2025 của Cơ quan điều tra xác định: Các viên nén màu hồng có khối lượng 0,17 gam, lấy toàn bộ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1; Chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột có khối lượng 0,19 gam, lấy toàn bộ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2.

Kết luận giám định số 530/KL- KTHS ngày 10/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,17 gam là chất ma tuý: Loại Methamphetamine; Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,19 gam là chất ma tuý: Loại Heroine. H1 mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng M1: 0,12 gam; M2: 0,15 gam.

Cáo trạng số 50/CT-VKSKV3 ngày 05/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thị T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy khối lượng ma tuý hoàn lại sau giám định; 02 mảnh nilon; 01 vỏ phong bì cũ và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo khung đề nghị của Viện kiểm sát; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung; đề nghị miễn án phí

hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến bắt quả tang bị cáo, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả thu giữ vật chứng; Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và Bản kết luận giám định của phòng K Công an tỉnh Đ.

Có đủ cơ sở kết luận ngày 04/6/2025 bị cáo đã mua được 02 gói ma túy loại H2 và Methamphetamine với giá 100.000 đồng, đến 07 giờ 10 phút cùng ngày đã bị tổ công tác Công an bắt quả tang.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã cố ý mua 0,19 gam Heroine và 0,17 gam Methamphetamine, tổng khối lượng hai chất ma túy là 0,36 gam cất giấu trái phép với mục đích để sử dụng. Với hành vi, khối lượng ma tuý bị thu giữ thì bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".*

"i. Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này".

Tại thời điểm xét xử khoản 1 Điều 249 Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự) quy định: "*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm".*

"i. Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này". Như vậy mức hình phạt cao hơn mức tối thiểu so với khung hình phạt từ 01 năm của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 4 điều khoản chuyển tiếp Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự), Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo là điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật

hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất mức độ phạm tội: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình trái với quy định của Nhà nước và sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm minh khi bị phát hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý mà trực tiếp là hoạt động mua bán, tàng trữ các chất ma tuý.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện chất ma túy, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Về lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo không có tài sản gì giá trị, không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vấn đề khác có liên quan: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma tuý hoàn lại sau giám định có khối lượng M1: 0,12 gam; M2: 0,15 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 02 mảnh nilon; 01 vỏ phong bì cũ là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Do gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm c khoản 1 Điều 4 điều khoản chuyển tiếp Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự): Xử phạt bị cáo Lò Thị T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 04/6/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Số ma tuý hoàn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu, khối lượng: M1: 0,12 gam Methamphetamine; M2: 0,15 gam Heroine; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 vỏ phong bì cũ.

Số vật chứng trên Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Điện Biên.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2025).

***Nơi nhận*:**
- Phòng Giám đốc kiểm tra, thanh tra và Thi hành án, TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phân trại tạm giam Tuần Giáo, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Lan